

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Xây dựng
áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2060/TTr-SXD ngày 30 tháng 10 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ (52) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử



giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, CVNC, Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, phmanh.



Nguyễn Đức Chín



**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG ÁP
DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2848/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

PHẦN I. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
I	LĨNH VỰC: XÂY DỰNG	
1	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	
2	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III	
3	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)	
4	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài	
5	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	
6	Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	
7	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	
8	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d, khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP)	
9	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)	
10	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp	
11	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nhà thầu): Thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	
12	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nhà thầu): Thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	
13	Thẩm định dự án/ dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 5, Điều 10 của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)	



STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
14	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)	
15	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; khoản 9, 10 và 11 Điều 1 Nghị định số 12/2017/NĐ-CP; khoản 1 Điều 9 Nghị định số 144/2016/NĐ-CP)	
16	Cấp giấy phép xây dựng mới (Đối với các công trình cấp I, II; các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng thuộc địa bàn tỉnh, công trình quảng cáo; các công trình được xây dựng trên các tuyến, trục đường trên các tuyến, trục đường phố chính thuộc thành phố Rạch Giá, các công trình thuộc các dự án đầu tư xây dựng có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; công trình thuộc các dự án).	
17	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo (Đối với các công trình cấp I, II; các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng thuộc địa bàn tỉnh, công trình quảng cáo; các công trình được xây dựng trên các tuyến, trục đường trên các tuyến, trục đường phố chính thuộc thành phố Rạch Giá, các công trình thuộc các dự án đầu tư xây dựng có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; công trình thuộc các dự án).	
18	Cấp giấy phép di dời (Đối với các công trình cấp I, II; các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng thuộc địa bàn tỉnh, công trình quảng cáo; các công trình được xây dựng trên các tuyến, trục đường trên các tuyến, trục đường phố chính thuộc thành phố Rạch Giá, các công trình thuộc các dự án đầu tư xây dựng có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; công trình thuộc các dự án).	
19	Điều chỉnh giấy phép xây dựng (Đối với các công trình cấp I, II; các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng thuộc địa bàn tỉnh, công trình quảng cáo; các công trình được xây dựng trên các tuyến, trục đường trên các tuyến, trục đường phố chính thuộc thành phố Rạch Giá, các công trình thuộc các dự án đầu tư xây dựng có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; công trình thuộc các dự án).	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
20	Gia hạn giấy phép xây dựng (Đối với các công trình cấp I, II; các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng thuộc địa bàn tỉnh, công trình quảng cáo; các công trình được xây dựng trên các tuyến, trục đường trên các tuyến, trục đường phố chính thuộc thành phố Rạch Giá, các công trình thuộc các dự án đầu tư xây dựng có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; công trình thuộc các dự án).	
21	Cấp lại giấy phép xây dựng (Đối với các công trình cấp I, II; các công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng thuộc địa bàn tỉnh, công trình quảng cáo; các công trình được xây dựng trên các tuyến, trục đường trên các tuyến, trục đường phố chính thuộc thành phố Rạch Giá, các công trình thuộc các dự án đầu tư xây dựng có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; công trình thuộc các dự án).	
II	LĨNH VỰC: VẬT LIỆU XÂY DỰNG	
1	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	
III	LĨNH VỰC: PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ	
1	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	
2	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	
3	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt	
4	Lấy ý kiến của các sở: Quy hoạch kiến trúc, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh	
IV	LĨNH VỰC: NHÀ Ở	
1	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	
2	Thẩm định giá bán, thuê mua, thê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh.	
3	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	
4	Công nhận hạng/ công nhận lại hạng nhà chung cư	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
5	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư	
6	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	
7	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	
8	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	
V	LĨNH VỰC: KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN	
1	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư.	
2	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.	
3	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản: 3.1 Do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng 3.2 Do hết hạn (hoặc gần hết hạn)	
VI	LĨNH VỰC: QUY HOẠCH KIẾN TRÚC	
1	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện.	
2	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện.	
3	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu chức năng.	
4	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng khu chức năng.	
5	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh, thị trấn, đô thị mới.	
6	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh, đô thị mới.	
7	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn.	
8	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu các khu vực trong đô thị có phạm vi liên quan	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
	đến địa giới hành chính của hai huyện trở lên, khu vực có ý nghĩa quan trọng, khu vực trong đô thị mới.	
9	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu các khu vực trong đô thị có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai huyện trở lên, khu vực có ý nghĩa quan trọng, khu vực trong đô thị mới.	
10	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết các khu vực trong đô thị có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai huyện trở lên, khu vực có ý nghĩa quan trọng, khu vực trong đô thị mới	
11	Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết các khu vực trong đô thị có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của hai huyện trở lên, khu vực có ý nghĩa quan trọng, khu vực trong đô thị mới.	
VII	LĨNH VỰC: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH	
1	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	
VIII	LĨNH VỰC: GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG	
1	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh	
2	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức tư pháp xây dựng trên địa bàn được UBND tỉnh cho phép hoạt động	
3	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	

KIỂM GI